



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 14 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 14 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban
Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Phó Giám đốc

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Nguyễn Thành Nam

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 10 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc tương ứng ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2018 và báo cáo soát xét ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-318-HY-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		144.608.698.266	152.618.635.432
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	19.007.602.014	234.954.255
Tiền	111		1.007.602.014	234.954.255
Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.257.190.545	122.279.004.831
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	131	7	16.541.400.015	6.321.390.102
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.384.918.183	2.657.866.994
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	71.330.872.347	113.299.747.735
Hàng tồn kho	140	9	31.861.884.127	29.770.110.289
Tài sản ngắn hạn khác	150		482.021.580	334.566.057
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		482.021.580	334.566.057
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		384.122.230.781	402.812.679.030
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
Tài sản cố định	220		300.469.178.461	316.589.168.844
Tài sản cố định hữu hình	221	10	300.469.178.461	316.589.168.844
Nguyên giá	222		490.096.296.171	489.244.242.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(189.627.117.710)	(172.655.073.641)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Tài sản dở dang dài hạn	240		72.932.718	340.404.773
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	72.932.718	340.404.773
Đầu tư tài chính dài hạn	250		67.141.195.400	67.793.965.400
Đầu tư vào công ty con	251	12	45.000.000.000	45.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(994.706.800)	(341.936.800)
Tài sản dài hạn khác	260		16.435.924.202	18.086.140.013
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	16.435.924.202	18.086.140.013
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		528.730.929.047	555.431.314.462

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

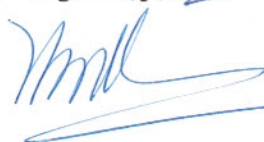
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		90.584.129.590	80.207.833.332
Nợ ngắn hạn	310		87.976.669.816	78.197.519.332
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.632.042.100	9.328.801.194
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.300.000	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	33.399.988.496	37.217.119.328
Phải trả người lao động	314		6.382.113.434	2.811.555.765
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.425.463.600	1.429.726.850
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	35.402.036.715	7.559.579.031
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	2.731.725.471	19.850.737.164
Nợ dài hạn	330		2.607.459.774	2.010.314.000
Phải trả dài hạn khác	337		38.000.000	38.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.569.459.774	1.972.314.000
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		438.146.799.457	475.223.481.130
Vốn chủ sở hữu	410	21	438.146.799.457	475.223.481.130
Vốn cổ phần	411	22	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.435.352.503	152.512.034.176
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		87.268.912.924	71.240.232.801
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		28.166.439.579	81.271.801.375
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		528.730.929.047	555.431.314.462

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	171.127.905.338	174.043.549.863
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	136.114.062.684	133.565.055.709
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		35.013.842.654	40.478.494.154
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	7.136.729.968	6.010.142.980
Chi phí tài chính	22	29	696.808.307	2.249.995.327
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		44.038.307	2.249.995.327
Chi phí bán hàng	25		212.806.885	1.416.853.544
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	8.109.868.490	12.153.109.088
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		33.131.088.940	30.668.679.175
Thu nhập khác	31		437.922.865	1.262.834.820
Chi phí khác	32		59.471.706	664.681.304
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		378.451.159	598.153.516
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.509.540.099	31.266.832.691
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.343.100.520	5.232.854.538
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.166.439.579	26.033.978.153

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập báo cáo



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng



Người duyệt:

Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		33.509.540.099	31.266.832.691
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		18.653.720.677	18.135.433.006
Các khoản dự phòng	03		2.637.415.774	-
Lãi tiền gửi	05		(4.812.468)	(4.142.980)
Thu nhập từ cổ tức	05		(7.131.917.500)	(6.006.000.000)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(376.269.459)	(1.163.181.817)
Chi phí lãi vay	06		44.038.307	2.249.995.327
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		47.331.715.430	44.478.936.227
Biến động các khoản phải thu	09		(12.947.361.102)	(23.226.018.142)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.091.773.838)	(2.130.104.970)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.864.336.806	(12.958.658.089)
Biến động chi phí trả trước	12		1.502.760.288	1.684.472.411
			37.659.677.584	7.848.627.437
Tiền lãi vay đã trả	14		(44.038.307)	(2.249.995.327)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.234.905.427)	(3.364.951.823)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.882.857.557)	(8.569.686.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.497.876.293	(6.336.005.904)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(6.883.469.410)	(4.202.188.450)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		585.590.908	1.279.200.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(3.880.715.400)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		40.239.129.968	6.010.142.980
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.941.251.466	(793.560.870)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		51.719.820.061	199.038.030.484
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.719.820.061)	(177.296.076.170)
Tiền chi trả cổ tức	36		(28.666.480.000)	(15.417.522.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.666.480.000)	6.324.432.314
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		18.772.647.759	(805.134.460)
Tiền đầu kỳ	60		234.954.255	1.257.019.639
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	19.007.602.014	451.885.179

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 12.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 125 nhân viên (1/1/2018: 144 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bia và các sản phẩm liên quan; Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và phân phối bia và hoạt động khác là kinh doanh và cho thuê kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	108.698.900	158.168.400
Tiền gửi ngân hàng	898.903.114	76.785.855
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	-
	19.007.602.014	234.954.255

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,1% một năm.

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	16.333.894.115	6.237.778.800
Các khách hàng khác	207.505.900	83.611.302
	16.541.400.015	6.321.390.102

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	16.333.894.115	6.237.778.800
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	-	72.251.444

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận và cổ tức được chia	71.080.872.347	113.050.047.735
Tạm ứng cho nhân viên	241.000.000	240.700.000
Phải thu khác	9.000.000	9.000.000
	71.330.872.347	113.299.747.735
	71.330.872.347	113.299.747.735

9. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	165.168.002	-	382.229.500	-
Nguyên vật liệu	7.689.580.865	-	9.578.761.775	-
Công cụ và dụng cụ	9.030.500.111	-	5.252.282.537	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.672.026.247	-	11.520.326.883	-
Thành phẩm	4.304.608.902	-	3.036.509.594	-
	31.861.884.127	-	29.770.110.289	-
	31.861.884.127	-	29.770.110.289	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	68.613.003.036	403.483.793.538	9.156.238.431	7.991.207.480	489.244.242.485
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.969.634.727	1.969.634.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	773.417.016	-	-	-	773.417.016
Thanh lý	-	(332.806.112)	(1.483.412.307)	(74.779.638)	(1.890.998.057)
Số dư cuối kỳ	69.386.420.052	403.150.987.426	7.672.826.124	9.886.062.569	490.096.296.171
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	20.372.315.705	141.827.361.696	5.805.054.371	4.650.341.869	172.655.073.641
Khấu hao trong kỳ	2.111.151.252	15.665.338.167	428.218.930	449.012.328	18.653.720.677
Thanh lý	-	(285.042.192)	(1.321.854.778)	(74.779.638)	(1.681.676.608)
Số dư cuối kỳ	22.483.466.957	157.207.657.671	4.911.418.523	5.024.574.559	189.627.117.710
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	48.240.687.331	261.656.431.842	3.351.184.060	3.340.865.611	316.589.168.844
Số dư cuối kỳ	46.902.953.095	245.943.329.755	2.761.407.601	4.861.488.010	300.469.178.461

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 42.688 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 43.705 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	340.404.773	1.715.215.136
Tăng trong kỳ	505.944.961	1.535.955.537
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(773.417.016)	(2.491.904.015)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	72.932.718	759.266.658
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vách ngăn nền nhà xưởng sản xuất cũ	-	252.181.270
Các công trình khác	72.932.718	88.223.503
	<hr/>	<hr/>
	72.932.718	340.404.773
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2018			1/1/2018				
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	45.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	45.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	(*)	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	(*)
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô	1.891.807	9.46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9.46%	13.980.715.400	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	145.060	1.28%	2.155.186.800	(994.706.800)	(*)	145.060	1.28%	2.155.186.800	(341.936.800)	(*)
			68.135.902.200	(994.706.800)				68.135.902.200	(341.936.800)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	341.936.800
Trích lập dự phòng trong kỳ	652.770.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	994.706.800
	<hr/>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	13.019.260.624	2.109.971.815	1.501.511.026	1.455.396.548	18.086.140.013
Tăng trong kỳ	-	113.355.000	20.981.818	182.064.720	316.401.538
Phân bổ trong kỳ	(232.737.318)	(901.953.636)	(519.347.100)	(312.579.295)	(1.966.617.349)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	12.786.523.306	1.321.373.179	1.003.145.744	1.324.881.973	16.435.924.202
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Mê Kông	998.059.572	1.225.151.092
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Sa Đéc	-	1.146.876.600
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	1.719.245.399
Các nhà cung cấp khác	4.633.982.528	5.237.528.103
	5.632.042.100	9.328.801.194

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.977.100	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco	-	136.051.191
	30.977.100	136.051.191

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.625.012.750	157.629.835.836	(160.374.205.398)	24.880.643.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.234.905.427	5.343.100.520	(7.234.905.427)	3.343.100.520
Thuế giá trị gia tăng	3.679.054.356	32.782.454.066	(31.931.389.410)	4.530.119.012
Thuế thu nhập cá nhân	678.146.795	2.004.177.423	(2.036.198.442)	646.125.776
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.922.236	(14.922.236)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	37.217.119.328	197.777.490.081	(201.594.620.913)	33.399.988.496

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.621.556.109	-
Chi phí đào tạo	202.159.852	269.546.469
Chi phí khác	2.601.747.639	1.160.180.381
	<hr/>	<hr/>
	4.425.463.600	1.429.726.850

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải trả	33.213.955.808	3.880.435.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	517.050.000	457.050.000
Bảo hiểm xã hội	481.113.743	-
Kinh phí công đoàn	215.576.355	60.182.554
Bảo hiểm y tế	110.395.352	-
Chuyên quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	-	2.685.170.888
Phải trả ngắn hạn khác	863.945.457	476.739.781
	<hr/>	<hr/>
	35.402.036.715	7.559.579.031

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2018	Biến động trong kỳ		30/6/2018
	Giá trị ghi sổ/Số			Giá trị ghi sổ/Số
	có khả năng trả			có khả năng trả
	nợ	Tăng	Giảm	nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	51.719.820.061	(51.719.820.061)	-

Khoản vay ngắn hạn trong kỳ từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh được sử dụng để tài trợ vốn lưu động và chịu lãi suất 5% một năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	19.850.737.164	9.610.743.777
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	4.297.961	3.600.890.754
Sử dụng trong kỳ	(15.495.357.557)	(8.569.686.191)
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	(1.627.952.097)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.731.725.471	4.641.948.340

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Cho giai đoạn sáu
	tháng kết thúc ngày
	30/6/2018
	VND
Số dư đầu kỳ	1.972.314.000
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.984.645.774
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.387.500.000)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.569.459.774

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	145.000.000.000	176.816.640.972	105.476.455.341	427.293.096.313
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	26.033.978.153	26.033.978.153
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.600.890.754)	(3.600.890.754)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	894.805.982	(894.805.982)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(740.525.804)	(740.525.804)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	145.000.000.000	177.711.446.954	97.274.210.954	419.985.657.908
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	95.046.861.271	95.046.861.271
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(25.309.038.049)	(25.309.038.049)
Cổ tức	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	145.000.000.000	177.711.446.954	152.512.034.176	475.223.481.130
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	28.166.439.579	28.166.439.579
Chuyển trích lập quỹ đầu tư phát triển của công ty con (*)	-	-	(7.238.823.291)	(7.238.823.291)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(58.000.000.000)	(58.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.297.961)	(4.297.961)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	145.000.000.000	177.711.446.954	115.435.352.503	438.146.799.457

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Căn cứ theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển cho công ty con là 7.238.823.291 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: Không) bằng cách giảm phần phân phối lợi nhuận của công ty con ở kỳ trước.

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, trong đó 14.500 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông năm 2017 (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 43.500 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	603.980.406	603.980.406
Từ hai đến năm năm	2.415.921.622	2.415.921.622
Trên năm năm	4.911.095.599	5.213.085.802
	7.930.997.627	8.232.987.830

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.108.200.000	2.458.430.985
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.616.000.000	7.397.072.045
	6.724.200.000	9.855.503.030

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	168.552.728.264	168.919.927.940
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>326.182.564.100</i>	<i>321.932.321.200</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(157.629.835.836)</i>	<i>(153.012.393.260)</i>
▪ Cung cấp dịch vụ	511.363.638	555.000.000
▪ Doanh thu khác	2.063.813.436	4.568.621.923
	<hr/>	<hr/>
	171.127.905.338	174.043.549.863

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	135.340.396.013	130.325.939.408
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	404.087.034	401.811.570
▪ Giá vốn khác	369.579.637	2.837.304.731
	<hr/>	<hr/>
	136.114.062.684	133.565.055.709

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.131.917.500	6.006.000.000
Lãi tiền gửi	4.812.468	4.142.980
	7.136.729.968	6.010.142.980

29. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí lãi vay	44.038.307	2.249.995.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	652.770.000	-
	696.808.307	2.249.995.327

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí nhân viên	4.036.222.944	7.626.914.476
Chi phí nguyên vật liệu	116.089.882	267.935.279
Chi phí khấu hao	222.412.504	251.072.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	575.052.935	1.387.643.527
Chi phí khác	3.160.090.225	2.619.543.234
	8.109.868.490	12.153.109.088

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	90.841.058.777	87.151.102.232
Chi phí nhân công và nhân viên	15.744.861.401	18.740.909.559
Chi phí khấu hao	18.653.720.677	18.135.433.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.600.446.633	12.989.988.514
Chi phí khác	8.596.650.571	6.447.153.669

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Năm hiện hành	5.343.100.520	5.232.854.538

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.509.540.099	31.266.832.691
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.701.908.020	6.253.366.538
Chi phí không được khấu trừ thuế	67.576.000	945.641.576
Thu nhập không bị tính thuế	(1.426.383.500)	(1.201.200.000)
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	(764.953.576)
	5.343.100.520	5.232.854.538

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2017: 20%).

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng	167.908.091.900	168.545.956.690
Mua nguyên vật liệu	56.581.552.984	58.953.199.859
Cổ tức	29.580.000.000	14.790.000.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Tiền khen thưởng phúc lợi	1.627.952.097	-
Mượn vật tư	153.618.256	-
Bán hàng	-	2.040.765.003
Hỗ trợ vốn lưu động	-	25.000.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	3.392.000.000	-
Phí sử dụng vỏ chai	1.621.556.109	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu		
Cổ tức được chia	2.402.400.000	6.006.000.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	111.711.290	168.628.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán hàng	21.780.000	-
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô		
Mua hàng hóa	20.295.000	28.079.909
Mua thêm cổ phần	-	3.880.715.400

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)


Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang Mua hàng hóa	17.262.000	-
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn Mua hàng hóa	-	34.587.018
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương Mua hàng hóa	-	15.607.258
Chi nhánh Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây - Nhà máy Cồn Rượu Bình Dương Mua hàng hóa	-	41.902.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco Mua hàng hóa	-	39.097.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh Bán hàng	-	40.454.545
Nhân sự quản lý chủ chốt Lương và các quyền lợi gộp khác	3.045.993.930	2.949.600.000

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập

 Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

 Lê Đăng Khoa
 Giám đốc